

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10 – 7 - 2025

V/v: Yêu cầu giải quyết ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

- **Những người tiến hành tố tụng gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Chí Thanh, bà Mùa Thị Mỹ.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lương Văn Dục - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Đôn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2025/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 về yêu cầu giải quyết ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lò Thị V, sinh năm 1998; địa chỉ: Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La (Có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Vì Văn Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: Bản T, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2025 cùng bản tự khai - Nguyên đơn chị Lò Thị V trình bày:

Chị Lò Thị V và anh Vì Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/02/2014 tại UBND xã Chiềng On, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn tình cảm, từ đó xảy ra mâu thuẫn chửi bới, xúc phạm nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2024 đến nay, không quan tâm gì đến đời sống chung. Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Đ.

Về con chung: Có 02 cháu là Vì Văn N, sinh ngày 13/10/2014 và Vì Hồng S, sinh ngày 20/4/2017. Chị V yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Vì Văn N, đề nghị anh

Đ trực tiếp nuôi cháu Vì Hồng S.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Vợ chồng vay nợ Ngân hàng chính sách & xã hội huyện Yên Châu số tiền 70.000.000 đồng. Đề nghị mỗi bên trả $\frac{1}{2}$ nợ chung.

Kèm theo đơn khởi kiện chị V đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *Giấy chứng nhận kết hôn; bản phô tô căn cước công dân anh Vì Văn Đ; xác nhận thông tin về cư trú; giấy khai sinh 02 cháu Vì Văn N, Vì Hồng S.*

Tại bản tự khai ngày 19/5/2025 – Bị đơn anh Vì Văn Đ có ý kiến: Xác nhận việc kết hôn như chị V trình bày là đúng. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, từ đó dẫn đến chửi mắng, xúc phạm nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2024 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Chị V yêu cầu giải quyết ly hôn anh Đ nhất trí. Về con chung có 02 cháu là Vì Văn N, sinh ngày 13/10/2014 và Vì Hồng S, sinh ngày 20/4/2017. Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Lò Thị V. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung: Vợ chồng có vay nợ Ngân hàng chính sách & xã hội huyện Yên Châu số tiền 70.000.000 đồng, đề nghị mỗi bên trả 35.000.000 đồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến của các cháu Vì Văn Na, Vì Hồng S thể hiện: 02 cháu N, S cùng có nguyện vọng được ở với bố là anh Vì Văn Đ

Tại công văn số: 37/NHCSXH.YC-TB ngày 26/5/2025 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách & xã hội huyện Yên Châu có nội dung: Kết quả rà soát thông tin về khách hàng vay vốn tại Ngân hàng hiện không có ai tên là Vì Văn Đ và Lò Thị V. Khoản vay 70.000.000 đồng đề cập tại Thông báo thụ lý vụ án thuộc về bà Vì Thị T (*Mẹ đẻ anh Vì Văn Đ*) là người đứng tên vay. Do đó Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại công văn số: 35/UBND ngày 03/6/2025 của Ủy ban nhân dân xã Chiềng On, huyện Yên Châu có nội dung: Sau khi nhận được yêu cầu của Tòa án về việc xác minh điều kiện, thủ tục đăng ký kết hôn giữa chị Lò Thị V và anh Vì Văn Đ, thì UBND xã có ý kiến như sau: Tại số thứ tự 02 sổ đăng ký kết hôn năm 2014 của UBND xã thể hiện chị Lò Thị V, sinh ngày 01/12/1996, anh Vì Văn Đ, sinh ngày 01/6/1993. Việc xác định tuổi kết hôn dựa vào Chứng minh nhân dân và khai báo của công dân. Ngoài ra UBND xã còn xác minh tại Ban quản lý bản Nà Dạ, xã Chiềng On và bố mẹ chị Lò Thị V (*Có biên bản kèm theo*). Kết quả chị V có ngày tháng năm sinh đúng là 01/12/1996. Việc chênh lệch năm sinh tại giấy chứng nhận kết hôn (01/12/1996) và căn cước công dân (01/12/1998) của chị V là do nhầm lẫn trong quá trình làm thủ tục cấp căn cước công dân.

Tại phiên tòa bị đơn bị đơn anh Vì Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Vì Văn Đ.

Tại phiên tòa nguyên đơn - Chị Lò Thị V giữ yêu cầu giải quyết ly hôn anh Vì Văn Đ; Đề nghị Tòa án giao con chung cho người trực tiếp nuôi dưỡng theo

nguyên vọng của 02 cháu (*Vì Văn N và Vì Hồng S*). Tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 500.000 đồng/01 tháng đối với cháu Vì Văn N, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 7/2025 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Sơn La phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và thư ký Tòa án đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Nên việc Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; xét xử vụ án vắng mặt anh Vì Văn Đ là có căn cứ.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Xử cho chị Lò Thị V được ly hôn anh Vì Văn Đ; giao 02 cháu Vì Văn N và Vì Hồng S cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; buộc chị Lò Thị V cấp dưỡng 500.000 đồng/01 tháng nuôi cháu Vì Văn N, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 7/2025 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Vì Văn Đ cư trú tại bản Trạm Hóc, xã Chiềng On, huyện Yên Châu (*Nay là xã Yên Sơn, tỉnh Sơn La*). Do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (*Nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La*), theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh Vì Văn Đ.

[2] Về yêu cầu giải quyết ly hôn:

[2.1] Chị Lò Thị V và anh Vì Văn Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng On, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La ngày 11/02/2014 (*Nay là xã Yên Sơn, tỉnh Sơn La*). Nên được pháp luật công nhận là vợ chồng; Tại bản tự khai ngày 19/5/2025 anh Đ có ý kiến do vợ chồng không còn tình cảm nên anh cũng nhất trí ly hôn. Tại phiên tòa chị V giữ yêu cầu giải quyết ly hôn, anh Đ vắng mặt. Xét tình cảm vợ chồng anh Đ, chị V không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Xử cho chị Lò Thị V được ly hôn anh Vì Văn Đ.

[2.2] Đối với tình tiết sau khi được cấp căn cước công dân chị Lò Thị V có ngày tháng năm sinh là 01/12/1998. Nội dung này đã được UBND xã Chiềng On

và bố mẹ chị V xác thực là do nhầm lẫn trong quá trình khai báo làm thủ tục cấp căn cước công dân. Nên việc kết hôn giữa chị V và anh Đ không vi phạm điều kiện kết hôn về tuổi theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[2.2] Về con chung: Có 02 cháu là Vì Văn N, sinh ngày 13/10/2014 và Vì Hồng S, sinh ngày 20/4/2017. Chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N, đề nghị anh Đ trực tiếp nuôi cháu S. Căn cứ vào nguyện vọng của 02 cháu cùng mong muốn ở với bố là anh Đ và thực tế hiện các cháu cũng đang sống cùng bố; để tạo điều kiện các cháu được sống cùng nhau theo nguyện vọng cũng như không bị tác động về tâm lý sau khi bố mẹ ly hôn. Căn cứ 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; để giao 02 cháu (N, S) cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và buộc chị V cấp dưỡng nuôi cháu N mức 500.000 đồng/01 tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 7/2025 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Do chị V, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Đối với khoản vay 70.000.000 đồng bà Vì Thị T (*Mẹ đẻ anh Vì Văn Đ*) đứng tên vay Ngân hàng chính sách & xã hội huyện Yên Châu. Chị V anh Đ cho rằng thuộc nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng và yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Công văn số: 37/NHCSXH.YC-TB ngày 26/5/2025 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách & xã hội huyện Yên Châu thể hiện: Chị V, anh Đ không vay nợ Ngân hàng và Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lò Thị V là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

1. Xử cho chị Lò Thị V được ly hôn anh Vì Văn Đ.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Vì Văn N, sinh ngày 13/10/2014 và Vì Hồng S, sinh ngày 20/4/2017 cho anh Vì Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Buộc chị Lò Thị V cấp dưỡng nuôi cháu Vì Văn N 500.000 đồng/01 tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 7/2025 cho đến khi cháu N trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Chị Lò Thị V có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai cản trở.

3. Về án phí: Miễn cho chị Lò Thị V không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (10/7/2025). Anh Vì Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt theo thủ tục hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La ;
- VKSND khu vực 4 (2 bản);
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Sơn, tỉnh Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn la;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kỳ Việt